

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **288/2018/HS-ST**
Ngày: 28-8-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Xuân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Danh

Ông Nguyễn Trung Diễn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thành Đạt – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Huy Hải – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 208/2018/HSST ngày 21/6/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 267/2018/QĐXXST-HS ngày 31/7/2018 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Nguyễn Văn V**, tên gọi khác: Không; Sinh năm 1995; Giới tính: Nam. Nơi cư trú: ấp H, xã P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: Lớp 9/12. Nghề nghiệp: Không. Họ tên cha: Nguyễn H, sinh năm 1971; Họ tên mẹ: Nguyễn Thị Kim Q, sinh năm 1976. Gia đình có 03 anh em, Bị cáo là con thứ nhất. Họ tên vợ: Huỳnh Thị Bích T, sinh năm 1993, có 01 con sinh năm 2011.

Tiền án:

- Ngày 10-12-2011 có hành vi “Trộm cắp tài sản” với giá trị tài sản chiếm đoạt là 6.080.000đ (*Sáu triệu không trăm tám mươi nghìn đồng*). Ngày 24-7-2012 bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Nai xử phạt 08 tháng tù.

- Ngày 20-12-2011 có hành vi “Cướp tài sản”. Ngày 25-7-2012 bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 06 năm tù. Tổng hợp chung hình phạt của bản án số 49/2012/HSST ngày 24-7-2012 buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 06 năm 08 tháng tù. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 22-9-2016.

Tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 14-3-2018, chuyển tạm giam theo Lệnh số 157/LTG ngày 20-3-2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thành phố B.

2/ Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, tên gọi khác: Cua; sinh năm 1993, Giới tính: Nam. Nơi cư trú: ấp Miếu, xã Phước Tân, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 8/12; Nghề nghiệp: Không; Họ tên cha: Nguyễn Văn Lược, sinh năm 1969, Họ tên mẹ: Nguyễn Thị Nhũ, sinh năm 1966; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai. Chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 19-02-2014, bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” với giá trị tài sản chiếm đoạt là 31.556.000 đồng. Từng chấp hành xong bản án ngày 16-12-2014.

Bị bắt ngày 02-3-2018, chuyển tạm giam theo Lệnh số 142/LTG ngày 07-3-2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thành phố B.

3/ Họ và tên: **Phạm Văn T**; tên gọi khác: không. Giới tính: Nam; sinh năm 1995. Nơi cư trú: ấp Đ, xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: Không; Họ tên cha: Phạm Công T - sinh năm 1963; Họ tên mẹ: Hoàng Thị Y, sinh năm 1974. Gia đình có 02 anh em, Tiền là con thứ hai. Chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 25-12-2017, chuyển tạm giam theo Lệnh số 72/LTG ngày 03-01-2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thành phố B.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T*: Luật sư Nguyễn Phước L - Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai.

* Người bị hại: Anh **Nguyễn Tấn P**, sinh năm 1990

Trú tại: 896, tổ 18, ấp V, xã P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Nguyễn Tấn Đ**, sinh năm 1995

Trú tại: 896, tổ 18, ấp V, xã P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

* Người làm chứng:

1. Anh **Lê Văn N**, sinh năm 1992.

Trú tại: G191, tổ B, khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

2. Anh **Trương Hoàng A**, sinh năm 1988.

Trú tại: Khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn V, Phạm Văn T, Nguyễn Văn T và anh Nguyễn Tấn Đ là bạn bè học chung cấp 2. Khoảng giữa tháng 12 năm 2017, Tiền nợ anh Đ số tiền 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) nên Tiền nhờ V đưa điện thoại của V cho anh Đ để trả nợ. Anh Đ đi cầm điện thoại của V được số tiền 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng), anh Đ tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, V có nhiều lần đòi anh Đ trả tiền còn thừa nhưng anh Đ không trả nên hai bên phát sinh mâu thuẫn. Khoảng 13 giờ ngày 24 tháng 12 năm 2017, V gọi điện thoại yêu cầu anh Đ trả tiền nhưng anh Đ không trả mà còn có lời lẽ thách thức. V rủ T và cùng T đến rủ T đi tìm đánh anh Đ. T và T đồng ý. T về nhà lấy 02 con dao kim loại dài khoảng 50cm, T giữ 01 con dao và đưa cho V 01 con dao. Sau đó, cả 03 đi xe mô tô đi tìm gặp Đ. Trên đường đi T rủ thêm 01 người bạn tên T (không rõ lai lịch), T nhờ T điều khiển xe mô tô chở T.

Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô biển số 60F2-720.23 chở V, T điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chở T đến tiệm Internet “Bo” thuộc khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai thì thấy anh Đ đang ngồi chơi game tại đây. Lúc này, T ngồi đợi ở ngoài tiệm Internet còn V cầm dao đi vào trước, T cầm dao và T cầm mũ bảo hiểm đi vào sau. Khi vào bên trong tiệm “Bo” thấy anh Đ, V dùng dao chém 01 nhát trúng vào đầu anh Đ. Anh Nguyễn Tấn P (anh trai anh Đ) thấy vậy xông vào can ngăn, V giằng co con dao với anh anh P. T và T thấy hai bên giằng co xô đẩy nhau nên xông vào hỗ trợ V đánh anh em P và Đ. T dùng nón bảo hiểm đánh còn T dùng dao chém 01 nhát trúng vào đỉnh đầu anh P. Anh Đ và anh P vùng ra bỏ chạy thì bị T, T, V đuổi theo ra đến bên hông tiệm Internet thì T và T đuổi kịp. T cầm dao chém thì bị anh Đ giữ dao lại và giằng co với nhau. T lấy ghế gỗ (có tại tiệm) đánh anh Đ và anh P. T dùng dao chém anh Đ thì anh Đ đưa tay trái ra đỡ và bị chém vào tay trái. T giật con dao trên tay của V rồi cùng với T đuổi theo anh P ra trước cửa tiệm. Anh P chạy ra khỏi tiệm “Bo” thì bị té ngã và bị T dùng dao chém 01 nhát trúng vào cổ chân phải. Sau đó V, T, T, T lên xe bỏ đi. Anh Đ và anh P được đưa đến Bệnh viện đa khoa Đồng Nai cấp cứu.

Ngày 25 tháng 12 năm 2017, anh Đ và anh P làm đơn tố cáo, yêu cầu xử lý hình sự đối với Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn T, Phạm Văn T.

Ngày 03 tháng 01 năm 2018, anh Đ làm đơn rút yêu cầu khởi tố đối với Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn T, Phạm Văn T.

Tại Kết luận giám định số 1067/GĐPY/2017 ngày 02-01-2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai đã kết luận thương tích và tỷ lệ thương tật của anh Nguyễn Tấn Đ như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương đỉnh giữa kích thước 05x 0,2cm, vết thương cẳng tay trái kích thước 6,5x 0,2cm, vết thương ngón III bàn tay trái kích thước

02x0,2cm và vết thương ngón IV bàn tay trái kích thước 03x0,2cm (Áp dụng Chương 9, điều I, mục 2). Tỷ lệ: 04% .

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 04%.

3. Vật gây thương tích: Vật sắc.

Tại Kết luận giám định số 1068/GDPY/2017 ngày 02-01-2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai đã kết luận thương tích và tỷ lệ thương tật của anh Nguyễn Tấn P như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Tổn thương đứt thần kinh mác sau (nhánh thần kinh hông khoeo ngoài) (Áp dụng Chương 2, điều VII, mục 3.41). Tỷ lệ 07%.

- Tổn thương động mạch chày trước đã khâu nối (Áp dụng Chương 3, điều II, mục 3.1). Tỷ lệ 04%.

- Vết thương đỉnh phải kích thước 5,5x 0,2cm và vết thương mặt ngoài 1/3 dưới cẳng chân phải bao gồm vết mổ kích thước 17x0,2cm (Áp dụng Chương 9, điều I, mục 2). Tỷ lệ 07%.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể (Áp dụng theo phương pháp cộng lùi) do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 17%.

3. Vật gây thương tích: Vật sắc.

Vật chứng vụ án: Sau khi gây án, Nguyễn Văn V và đồng phạm đã mang hung khí đi và vứt bỏ mất, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã tổ chức truy tìm nhưng không thu giữ được.

Đối với xe mô tô biển số 60F2-270.23 thuộc quyền sở hữu là ông Nguyễn Văn L - sinh năm 1969 thường trú: tổ 10, ấp M, xã P, thành phố B (cha của T) cho T mượn. Ông L không biết T dùng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không thu giữ.

Về dân sự: Quá trình điều tra, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn T, Phạm Văn T và gia đình đã bồi thường chi phí điều trị thương tích và các chi phí khác cho người bị hại Nguyễn Tấn Đ và Nguyễn Tấn P với số tiền là 35.000.000đ (*Ba mươi lăm triệu đồng*). Các anh Đ và P đã có đơn bãi nại cho các bị cáo đồng thời không yêu cầu các bị cáo bồi thường chi phí điều trị thương tích và chi phí khác.

Tại bản cáo trạng số 214/CT/VKS-HS ngày 18/6/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn T, Phan Văn T về tội “Cố ý gây thương tích”, theo quy định tại Điều 134 khoản 2 điểm đ Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo:

Nguyễn Văn V mức án từ 03 năm 6 tháng đến 4 năm tù.

Nguyễn Văn T mức án từ 03 năm đến 3 năm 06 tháng tù.

Phạm Văn T mức án từ 02 năm 06 tháng đến 3 năm tù

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào khoảng 15 giờ ngày 24 tháng 12 năm 2017, tại tiệm Internet “Bo” thuộc khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, do có mâu thuẫn nhỏ trong sinh hoạt, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn T, Phạm Văn T và 01 đối tượng tên T (Chưa rõ lai lịch) đã có hành vi dùng 02 con dao dài khoảng 50 cm chém nhiều nhất trúng vào cổ chân phải, đỉnh đầu của anh Nguyễn Tấn P gây thương tích với tỷ lệ thương tật là 17%. Chém trúng đỉnh vùng đầu, cẳng tay trái, bàn tay trái anh Nguyễn Tấn Đ gây thương tích với tỷ lệ thương tật là 04%. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích”, tội danh và hình phạt được quy định tại Điều 134 Bộ luật hình sự như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác là khách thể được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương; Giữa các bị cáo và người bị hại chỉ vì mâu thuẫn nhỏ trong sinh hoạt nhưng các bị cáo lại dùng dao là hung khí nguy hiểm, đâm nhiều nhất gây thương tích đối với người bị hại. Hành vi này của các bị cáo đã phạm vào tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự *“Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này”*, trong đó các bị cáo đã phạm vào hai tình tiết *“Dùng hung khí nguy hiểm”* và *“có tính chất côn đồ”*.

Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn và cũng là những người trực tiếp, tích cực thực hiện hành vi phạm tội.

Bị cáo Nguyễn Văn V là người rủ rê và trực tiếp thực hiện hành vi dùng dao gây thương tích cho người bị hại. Bị cáo là người đã bị xử phạt về tội “Trộm cắp tài sản” và “Cướp tài sản” mới chấp hành xong hình phạt lại tiếp tục phạm tội thể hiện sự coi thường pháp luật, coi thường sức khỏe của người khác nên phạm vào tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Văn T là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, chỉ vì một mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống, các bị cáo đã cùng nhau tham gia đánh người bị hại để trả thù, coi thường sức khỏe, tính mạng của người khác, coi thường pháp luật. Riêng bị cáo T còn có nhân thân

xấu. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện.

[3] Tuy nhiên, khi lượng hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là ngày 24/12/2017, tại khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định mức hình phạt đối với tội “Cố ý gây thương tích” có khung hình phạt từ 02 năm đến 06 năm tù là nhẹ hơn so với mức hình phạt theo về cùng tội danh được quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 có khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm; đây là những quy định mới theo hướng có lợi cho bị cáo, do đó cần áp dụng quy định của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14 và hiệu lực thi hành của Bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13 và khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường chi phí điều trị theo yêu cầu của người bị hại và được người bị hại làm đơn bãi nại; Riêng bị cáo Tiền còn có nhân thân tốt chưa tiền án, tiền sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Vật chứng vụ án: Sau khi gây án, các bị cáo đã mang hung khí đi và vứt bỏ mất, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã tổ chức truy tìm nhưng không thu giữ được.

Đối với xe mô tô biển số 60F2-270.23 thuộc quyền sở hữu là ông Nguyễn Văn L - sinh năm 1969 thường trú: tổ 10, ấp M, xã P, thành phố B (cha của T) cho T mượn. Ông L không biết Tùng dùng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không thu giữ là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại làm đơn bãi nại và xác định không yêu cầu các bị cáo bồi thường về chi phí điều trị thương tích cũng như không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Đối với việc các bị cáo Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn T, Phạm Văn T gây thương tích cho anh Nguyễn Tấn Đ với tỷ lệ thương tật là 04%, do anh Đ rút yêu cầu khởi tố nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi

gây thương tích cho người bị hại Đạt; Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã xử phạt hành chính đối với V, T, T là phù hợp.

[9] Đối với đối tượng tên T (chưa rõ lai lịch) có hành vi chở Nguyễn Văn T đi gây án và xe mô tô (chưa rõ biển số) do T sử dụng; Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau.

[10] Ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo T: Luật sư bào chữa đồng ý với việc Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích”. Tuy nhiên, Luật sư cho rằng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo Tiền thực hiện hành vi phạm tội “có tính chất côn đồ” là không chính xác vì bị cáo T không trực tiếp dùng dao đâm mà chỉ dùng ghế, nón bảo hiểm đánh người bị hại nên không gây thương tích cho người bị hại, vai trò của bị cáo T trong vụ án là hành vi giúp sức. Đối với các tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo T đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, đã bồi thường thỏa đáng và được người bị hại bãi nại, có nhân thân tốt lại đang bị bệnh về phổi nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 47, khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ xử dưới khung hình phạt cho bị cáo Tiền.

Ý kiến và đề nghị của Luật sư phù hợp với nhận định về các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo Tiền nên chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn T, Phạm Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

1. Áp dụng điểm a, i khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14 và hiệu lực thi hành của Bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13 và khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn V 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 14/3/2018.

2. Áp dụng điểm a, i khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14 và hiệu lực thi hành của Bộ luật tố

tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13 và khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T 03 (ba) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 02/3/2018.

Xử phạt bị cáo **Phạm Văn T 02 (hai) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 25/12/2017.

Về án phí HSST: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP.B (2);
- Công an TP.B (2);
- Thi hành án hình sự (7);
- Bị cáo – BH (4);
- Lưu hồ sơ vụ án (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Phạm Thị Thanh Xuân